TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày: 10-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Kiến Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đỗ Thành Tiết**

Ông **Nguyễn Nam Đừng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ H** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hoài Linh**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/TLST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Dương Thị H**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1975 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (đã chết) và bà Lương Thị L; Bị cáo có chồng là Phạm Hữu K và có 02 người con; Tiền án: Không có; tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo tại ngoại từ đầu và có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Hữu K**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị P; Bị cáo có vợ là Dương Thị H; Tiền án: Không có; tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo tại ngoại từ đầu và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2. Bà Dương Thị X, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2021 bị cáo Dương Thị H cùng chồng là bị cáo Phạm Hữu K đến thuê ở trọ tại khóm 5, phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để làm thuê. Cuối tháng 9 năm 2021 bị cáo H bị bệnh thoái hóa cột sống nên đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị bệnh. Tại bệnh viện bị cáo gặp bà Dương Thị X đang nuôi chồng bị bệnh tai biến mạch máu não. Bị cáo H và bà X trao đổi, nói chuyện qua lại với nhau. Qua trao đổi bà X cho biết chồng bà X được Bệnh viện trả về nhà để lo hậu sự, người thân trong gia đình thường xuyên bị bệnh, làm ăn không giữ được tiền thì bị cáo H cho bà X biết nhà bà X bị yếm bùa, chồng bà X sẽ chết trong thời gian 03 (ba) ngày khi được bệnh viện cho về. Bị cáo H yêu cầu bà X đến nhà trọ mà bị cáo thuê tại khu vực cầu L, thành phố T để bị cáo xem bói, giải bùa thì bà X từ chối. Sau đó, bị cáo H mượn điện thoại của bà X rồi tự bấm lấy số điện thoại của bà X lưu lại vào điện thoại OPPO A9, màu xanh - đen của bị cáo để liên lạc. Sau đó, bà X đưa chồng về nhà được hơn 01 (một) ngày thì chồng bà X chết, trong thời gian làm đám tang cho chồng thì bị cáo H điện thoại cho bà X hỏi đến nhà xem bói, giải bùa thì bà X không đồng ý. Trong quá trình liên lạc với bà X bị cáo H tự giới thiệu tên là Hồng.

Khoảng 09 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2021 bị cáo H dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh - đen có số thuê bao 0964959809 gọi điện thoại cho bà X nói là đi công việc ở thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè và yêu cầu bà X cho đến nhà xem bói nhưng bà X không chấp thuận. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày bà X nghĩ rằng bị cáo H có khả năng xem bói, giải bùa nên bà X liên hệ và nhờ bị cáo H đến nhà xem bói thì bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo H yêu cầu bị cáo Phạm Hữu K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, biển số 84L1-243.25 chở đến nhà bà X để bị cáo H xem bói thì bị cáo K đồng ý. Bị cáo K biết rõ việc bị cáo H không biết chuyện tâm linh xem bói, giải bùa mà chỉ đưa ra thông tin gian dối nhằm để người khác tin là sự thật với mục đích chiếm đoạt tài sản vì tình hình dịch dịch bệnh Covid-19 nên bị cáo H và K

không có việc làm để có tiền lo cho gia đình. Trên đường di chuyển xuống nhà bà X bị cáo H bàn bạc với bị cáo K là để bị cáo H tự trao đổi chuyện xem bói, giải bùa còn bị cáo K chỉ ngồi nghe và không được nói gì. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo H và bị cáo K đến nhà bà X, trước khi vào bên trong nhà bà X bị cáo H tiếp tục căn dặn bị cáo K là không được nói gì vì bị cáo H sợ bị cáo K nói ra bà X sẽ phát hiện việc bị cáo H không biết xem bói, giải bùa dẫn đến việc không chiếm đoạt được tiền.

Bị cáo H đi vào nhà bà X rồi đi xung quanh khu vực nhà sau để bà X tin tưởng rằng bị cáo H biết xem bói, giải bùa. Sau đó bị cáo H, bị cáo K cùng bà X ngồi nói chuyện ở khu vực nhà sau. Bị cáo H nói với bà X "Bếp phải sửa, nếu không người nhà sẽ chết bỏ hoang, cụ thể chồng chết, cháu chết và con chết", bà X nghe bị cáo H nói thì rất lo sợ và hỏi bị cáo H cách hóa giải bùa. Bị cáo H cho biết sẽ cúng, giải bùa cho bà X với chi phí 10.000.000 đồng, bà X nói không có tiền nên bị cáo H yêu cầu bà X đưa số tiền 5.000.000 đồng, bà X nói không có đủ tiền nên bị cáo H tự hạ xuống số tiền 3.500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng bị cáo H tự hỗ trợ thì bà X đồng ý. Để tạo lòng tin bị cáo H yêu cầu bà X lấy giấy viết ghi họ tên những người thân trong gia đình, bà X cho biết là không biết chữ thì bị cáo H kêu bị cáo K ghi thông tin họ tên bà X và con gái bà X vào giấy thì bị cáo K làm theo. Bị cáo H yêu cầu bà X lấy số tiền 3.500.000 đồng gói vào tờ giấy có ghi tên người thân để có tính linh thiêng thì bà X làm theo và đem ra đưa lại cho bị cáo H. Nhận được tiền bị cáo H trực tiếp cất giữ và cùng với bị cáo K về lại phòng trọ tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Có được số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo H dùng 2.000.000 đồng để trả nợ cho bạn là người phụ nữ tên Hà ở gần khu vực nơi nhà trọ mà bị cáo sinh sống (bị cáo H không xác định được họ tên thật và địa chỉ cụ thể), còn lại 1.500.000 đồng bị cáo H cất giữ để tiêu xài và trị bệnh. Đối với tờ giấy ghi thông tin họ tên bà X cùng con gái bà X thì bị cáo H đốt bỏ.

Sau khi nhờ bị cáo H xem bói, giải bùa thì bà X có nói lại cho em ruột là ông Dương Văn T biết. Nghe xong ông T thấy cha, mẹ ruột đã lớn tuổi hay bị bệnh, gia đình làm ăn không được thuận lợi nên ông T xin số điện thoại của bị cáo H từ bà X để liên lạc nhờ bị cáo H đến nhà xem bói. Biết người thân bà X liên hệ, tin tưởng cho rằng mình có khả năng xem bói nên bị cáo H liền chấp thuận. Khoảng 10 giờ ngày 06 tháng 10 năm 2021 bị cáo H cho bị cáo K biết sẽ đến nhà người thân bà X để xem bói và yêu cầu bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 84L1-243.25 chở đến nhà ông T thì bị cáo K đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06 tháng 10 năm 2021 bị cáo K và bị cáo H đến nhà ông T. Bị cáo H, bị cáo K và ông T ngồi chung bàn để trao đổi, nói chuyện với nhau. Bị cáo H

yêu cầu ông T đặt ngữa bàn tay lên bàn để bị cáo H xem chỉ tay và nói "Vợ ông lanh lẹ, ông một phần còn vợ ông mười phần, tiền bạc vợ ông quản lý hết. Trong gia đình ông bị bỏ bùa nhiều, làm ăn thất bại, sức khỏe suy kiệt. Nếu không giải bùa trong tháng 9 năm 2021 (AL) ông sẽ chết, đồng thời yêu cầu dời hướng bếp". Bị cáo yêu cầu ông T lấy bánh, trái cây và rót ba ly nước trà đem lên bàn thờ gia đình để đốt nhang cúng vái cửu quyền thất tổ, nội ngoại hai bên, đọc họ tên ông T để bị cáo H giải bùa thì ông T làm theo như bị cáo H chỉ dẫn. Sau đó, bị cáo H yêu cầu ông T lấy giấy ghi thông tin, tên tuổi của ông T và cha mẹ của ông T để bị cáo H mang về cho thầy gỡ bùa giúp, ông T hỏi tiền công thì bị cáo cho biết làm cho người khác lấy giá 5.000.000 đồng nhưng do thấy gia đình ông T nghèo và cha mẹ ông T đã lớn tuổi nên lấy 3.999.000 đồng thì ông T đồng ý. Do không có tiền nên ông T đi đến nhà bà Võ Thị L cư trú cùng ấp để mượn tiền về đưa cho bị cáo H số tiền 4.000.000 đồng cùng tờ giấy ghi tên người thân của ông T. Sau khi nhận được tiền bị cáo H cùng bị cáo K điều khiển xe ra về thì vợ ông T là bà Nguyễn Thị Ngọc B đi làm vườn vào tới nhà được ông T cho biết vừa mới được vợ chồng bị cáo H xem bói, giải bùa với tiền công 4.000.000 đồng, nghi nghờ chồng mình bị lừa đảo nên bà Bích yêu cầu ông T trình báo Cơ quan Công an. Quá trình điều tra bị cáo Dương Thị H và Phạm Hữu K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ gồm có:

- Số tiền 7.500.000 đồng do bị cáo Dương Thị H nộp;

- 01 (một) tờ giấy tập học sinh ghi tên Dương Văn Đông 84 tuổi, Huỳnh Thị K 83 tuổi và Dương Văn T 47 tuổi, có chữ ký xác nhận của bị cáo Dương Thị H được để trong hồ sơ vụ án;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu đen, biển số 84L1-243.25, bị hư hỏng tình trạng máy không còn hoạt động;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh - đen, đã qua sử dụng, số seri 8b597c62, IMEI 1: 866967043782211, IMEI 2: 866967043782203 cùng 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0964959809 được gắn bên trong điện thoại.

Tại Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36, Điều 38 của Bộ

luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Hữu K từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu đen, biển số 84L1-243.25 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh - đen, đã qua sử dụng, cùng 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0964959809 được gắn bên trong điện thoại.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Dương Thị H tham gia bào chữa, tranh luận: Bị cáo xin được hưởng án treo để chữa bệnh, bị cáo xin Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe và điện thoại cho vợ chồng bị cáo.

Bị cáo Phạm Hữu K tham gia bào chữa, tranh luận: Bị cáo xin Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe và điện thoại cho vợ chồng bị cáo.

Bị hại Dương Thị X tham gia tranh luận: Xin đội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Dương Văn T, người làm chứng bà Võ Thị L và bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè:

Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K thừa nhận các bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

[4] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu… Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 05/10/2021 và khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/10/2021 tại nhà bị hại Dương Thị X và Dương Văn T thuộc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Dương Thị H và Phạm Hữu K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại Dương Thị X số tiền 3.500.000 đồng và chiếm đoạt của bị hại Dương Văn T số tiền 3.999.000 đồng (ông T đưa chẵn 4.000.000 đồng) nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu của các bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đây là vụ án có nhiều đối tượng cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm nên được xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Dương Thị H có vai trò vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành, có vai trò tích cực trong việc việc thực hiện tội phạm nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo Phạm Hữu K là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong việc việc thực hiện tội phạm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên xét thấy không cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần mà mỗi lần chiếm đoạt tài sản của bị hại đều trên 2.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường trường tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có người thân có công với cách mạng; bị cáo Dương Thị H có trình độ học vấn thấp nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu đen, biển số 84L1-243.25 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh - đen, đã qua sử dụng, cùng 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0964959809 được gắn bên trong điện thoại là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Do đó yêu cầu nhận lại các tài sản này của các bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với số tiền 7.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Dương Văn T và bà Dương Thị X xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Đối với 01 (một) tờ giấy tập học sinh ghi tên Dương Văn Đ 84 tuổi, Huỳnh Thị K 83 tuổi và Dương Văn T 47 tuổi, có chữ ký xác nhận của bị cáo Dương Thị H được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận T bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu K 01(một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không

giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Hữu K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Hữu K.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu đen, biển số 84L1-243.25, bị hư hỏng tình trạng máy không còn hoạt động.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh - đen, đã qua sử dụng, số seri 8b597c62, IMEI 1: 866967043782211, IMEI 2: 866967043782203 cùng 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0964959809 được gắn bên trong điện thoại.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Thị H và bị cáo Phạm Hữu K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện C;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Kiến Quốc